TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2021
V/v: *Ly hôn.*
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính
Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn ThànhThành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXX - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 1999; HKTT: Tổ 11, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Tổ 4, khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Gia Q, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Ấp 12, xã M1, huyện C, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Q kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống được hai năm và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã; cuộc sống chung không hạnh phúc và từ đầu năm 2021 đã sống ly thân. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh Q.

Về con chung; Về tài sản chung và về nợ chung: Chị V khai chị V và anh Q không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Gia Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị V kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng xảy ra nhiều cải vã, bất đồng quan điểm và nay đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh Q thì anh Q cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung; Về tài sản chung và về nợ chung: Anh Q khai anh Q và chị V không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị V và bị đơn anh Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thànhphát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Anh Q và chị V kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh Q và chị V là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh Q và chị V xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Thảo V được ly hôn với anh Lê Gia Q.

Về án phí nguyên đơn chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn chị V và trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn"*; bị đơn anh Q có nơi cư trú tại ấp 12, xã M1, huyện C, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị V và bị đơn anh Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Q tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị V và anh Q là hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân, Tòa án đã triệu tập chị V và anh Q đến làm việc để hòa giải, hàn gắn cho hai người đoàn tụ nhưng cả hai người đều không đồng ý và yêu cầu được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị V và anh Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V và anh Q đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2].Về con chung: Chị V và anh Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3].Về tài sản chung: Chị V và anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị V và anh Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị V phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 228; 266; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo V.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thảo V được ly hôn với anh Lê Gia Q.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thảo V phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0011565, ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quốc Mạnh